

4. Dự án điện lực thực hiện theo chương trình chuyển dịch năng lượng, giảm phát thải theo các mục tiêu, cam kết của quốc gia.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đi qua địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư và khoản 2 Điều 13 của Luật Điện lực; cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật Điện lực.

2. Việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến trong quá trình thẩm định đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư và quy định tại các điểm d và đ khoản 2 Điều 13 của Luật Điện lực.

Điều 13. Trình tự, thủ tục phê duyệt, điều chỉnh danh mục lưới điện trung áp, hạ áp

Trừ trường hợp hạng mục lưới điện trung áp, hạ áp thuộc phạm vi đầu tư của dự án đầu tư khác ngoài dự án điện lực thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà đầu tư đề nghị đầu tư xây dựng lưới điện trung áp, hạ áp trong phương án phát triển mạng lưới cấp điện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật Điện lực thực hiện như sau:

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục lưới điện trung áp, hạ áp bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục lưới điện trung áp, hạ áp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư bao gồm: bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân; giấy tờ xác nhận việc thành lập, hoạt động của tổ chức kinh tế;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư hoặc tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

2. Nội dung thẩm định đề nghị phê duyệt danh mục lưới điện trung áp, hạ áp bao gồm:

a) Đánh giá sự phù hợp danh mục dự án với khối lượng trung áp trong phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh;

b) Đánh giá sự cần thiết đầu tư.

3. Thủ tục phê duyệt danh mục đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận danh mục đầu tư gửi Sở Công Thương theo một trong các hình thức sau: trực tiếp tại trụ sở của Sở Công Thương; dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương ra thông báo trả toàn bộ hồ sơ để nhà đầu tư bổ sung và nộp lại hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Công Thương lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt danh mục đầu tư dự án đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Điều chỉnh danh mục đầu tư đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp:

Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp theo danh mục được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, khi nhu cầu điều chỉnh bổ sung, thay thế hoặc loại bỏ dự án trong danh mục, nhà đầu tư thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục dự án bao gồm: văn bản đề nghị điều chỉnh danh mục dự án đầu tư theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thông tin tình hình triển khai dự án thuộc danh mục; tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh (nếu có);

b) Trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định, phê duyệt điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 14. Nguyên tắc, tiêu chí xác định dự án, công trình điện lực khẩn cấp

1. Dự án, công trình điện lực khẩn cấp phải bảo đảm các nguyên tắc như sau:

a) Thuộc danh mục dự án điện lực trong quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện. Trường hợp dự án

chưa có trong quy hoạch hoặc kế hoạch thì phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hoặc điều chỉnh kế hoạch theo quy định pháp luật về quy hoạch;

b) Chưa xác định chủ đầu tư hoặc đã xác định chủ đầu tư là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc là doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Cần rút ngắn thời gian đầu tư xây dựng so với trình tự thủ tục đầu tư xây dựng thông thường để bảo đảm kịp thời đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện.

2. Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ khẩn cấp thuộc một trong các tiêu chí như sau:

a) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ cần đầu tư xây dựng để thay thế một hoặc nhiều dự án chậm tiến độ, dừng thực hiện đầu tư, chấm dứt hoạt động hoặc do phụ tải tăng đột biến gây nguy cơ thiếu điện, không bảo đảm an ninh cung cấp điện trong thời kỳ quy hoạch;

b) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ do doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư hoặc thực hiện đầu tư xây dựng cần rút ngắn thời gian thực hiện để bảo đảm an ninh cung cấp điện trong thời kỳ quy hoạch do các nguyên nhân quy định tại điểm a khoản này;

c) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối đồng bộ do Nhà nước thu hồi từ nhà đầu tư khác và giao lại cho doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư xây dựng cần rút ngắn thời gian thực hiện để bảo đảm an ninh cung cấp điện trong thời kỳ quy hoạch do các nguyên nhân quy định tại điểm a khoản này.

3. Dự án, công trình xây dựng lưới điện khẩn cấp có vai trò quan trọng trong việc truyền tải công suất nguồn điện giữa các khu vực để chống quá tải của lưới điện thuộc một trong các tiêu chí như sau:

a) Dự án, công trình cần đầu tư xây dựng để thay thế một hoặc nhiều dự án chậm tiến độ so với quy hoạch phát triển điện lực hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, có nguy cơ gây thiếu điện, phải tiết giảm phụ tải, giảm phát công suất của hệ thống điện được dự báo cho 02 năm tới tính từ thời điểm đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án khẩn cấp;

b) Dự án, công trình cần hoàn thành trong thời gian gấp để kịp thời đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng đột biến và thời gian thực hiện dự án tính từ thời điểm

được cấp có thẩm quyền phê duyệt là dự án điện lực khẩn cấp đến thời điểm đưa vào vận hành dưới 24 tháng đối với các dự án, công trình lưới điện có cấp điện áp 500 kV; dưới 18 tháng đối với các dự án, công trình lưới điện có cấp điện áp 220 kV;

c) Các dự án, công trình xuất tuyến 110 kV phục vụ khai thác đồng bộ trạm biến áp 220 kV, 500 kV khẩn cấp;

d) Dự án, công trình lưới điện liên kết khu vực từ cấp điện áp 110 kV trở lên được Đơn vị vận hành hệ thống điện tính toán lưới điện khu vực không bảo đảm vận hành an toàn được dự báo cho 02 năm tới tính từ thời điểm đề xuất và được chấp thuận là dự án điện lực khẩn cấp.

4. Dự án, công trình lưới điện khẩn cấp theo yêu cầu cấp bách bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đáp ứng một trong các tiêu chí như sau:

a) Dự án, công trình điện lực thực hiện theo yêu cầu cấp bách bảo đảm quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an;

b) Dự án, công trình cần hoàn thành trong thời gian gấp để kịp thời đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng đột biến theo yêu cầu cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thời gian thực hiện dự án, công trình tính từ thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt là dự án khẩn cấp đến thời điểm đưa vào vận hành dưới 18 tháng đối với các dự án, công trình lưới điện có cấp điện áp 110 kV.

5. Trên cơ sở báo cáo về hoạt động quy hoạch, báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc báo cáo tình hình vận hành hệ thống điện, các nguyên tắc, tiêu chí xác định dự án, công trình điện lực khẩn cấp quy định tại Điều này, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất các dự án, công trình điện lực khẩn cấp theo phân cấp quy mô công suất quy định tại Điều 4 Nghị định này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

Điều 15. Nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện; sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn cho các dự án nhiệt điện khí (Phương án 1)

1. Theo từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh, các dự án nhà máy nhiệt điện khí được áp dụng cơ chế, chính sách phát triển phù hợp nhằm bảo đảm an ninh năng lượng, bảo đảm hài hòa lợi ích tổng thể của quốc gia lợi ích giữa bên mua điện và bên bán điện, hiệu quả đầu tư dự án.

2. Nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện:

a) Giá nhiên liệu trong tính toán giá điện tại hợp đồng mua bán điện ký giữa Bên bán điện và Bên mua điện được xác định bằng giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện. Trường hợp Bên bán điện ký nhiều hợp đồng mua bán nhiên liệu, giá nhiên liệu được xác định bằng bình quân gia quyền của các hợp đồng mua bán nhiên liệu.

b) Đối với dự án nhà máy điện có hạ tầng kho cảng, đường ống khí để nhập khẩu và sử dụng trực tiếp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG):

Bên bán điện được phép thu hồi chi phí hợp lý, hợp lệ khi thực hiện đầu tư các hạng mục hạ tầng kho cảng, đường ống khí thông qua giá hợp đồng mua bán điện thỏa thuận với Bên mua điện; bảo đảm nguyên tắc không tính trùng chi phí đầu tư hạ tầng kho cảng trong giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện.

c) Đối với dự án nhà máy điện dùng chung hạ tầng kho cảng, đường ống khí để mua và sử dụng khí LNG sau tái hóa:

Giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện được xác định bao gồm: (i) giá LNG được tính toán trên cơ sở giá LNG đến cảng phía Việt Nam; (ii) giá vận chuyển LNG bằng đường ống và giá tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối LNG được Bộ Công Thương phê duyệt.

3. Nguyên tắc xác định sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn:

a) Các dự án nhiệt điện khí tham gia thị trường điện cạnh tranh.

b) Bên bán điện và Bên mua điện có trách nhiệm thỏa thuận, thống nhất trong hợp đồng mua bán điện về sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn và thời gian áp dụng trên cơ sở các nguyên tắc sau:

Đối với các dự án điện khí sử dụng khí thiên nhiên trong nước, sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được xác định ở mức tối đa căn cứ khả năng cấp khí, các ràng buộc về nhiên liệu và sản lượng điện khả dụng của dự án nhiệt điện khí;

Đối với các dự án điện khí thiên nhiên hoá lỏng, sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được xác định trên cơ sở sản lượng điện phát bình quân nhiều

năm của dự án nhiệt điện khí và tỷ lệ sản lượng điện thanh toán theo giá hợp đồng, bảo đảm cho nhà đầu tư hoặc bên bán điện hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của dự án nhiệt điện khí trong thời gian vay vốn dự án tính từ thời điểm dự án nhiệt điện khí vào vận hành, khai thác và bảo đảm giá nhiên liệu ở mức hợp lý và ổn định;

Các dự án nhiệt điện khí có ngày đưa vào vận hành, khai thác trước ngày 01 tháng 01 năm 2031 được áp dụng sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn là 65% trong thời hạn trả nợ gốc vốn vay nhưng không quá 10 năm kể từ ngày đưa dự án vào vận hành, khai thác, trừ trường hợp Bên bán điện và Bên mua điện có thống nhất khác;

Sau thời gian áp dụng sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn, sản lượng điện hợp đồng và tỷ lệ sản lượng điện thanh toán theo giá hợp đồng cho các năm còn lại thực hiện theo quy định pháp luật về thị trường điện;

Sản lượng điện phát bình quân nhiều năm được xác định theo quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành và trong hợp đồng mua bán điện.

4. Trách nhiệm của các đơn vị:

a) Trách nhiệm của Bên mua điện và Bên bán điện:

Đàm phán, thỏa thuận thống nhất với chủ đầu tư hoặc bên bán điện hợp đồng mua bán điện tuân thủ các quy định tại Điều này;

Bên bán điện có trách nhiệm cung cấp cho bên mua điện đầy đủ các số liệu, thông số kỹ thuật, thông số kinh tế và các chi phí của dự án nhiệt điện khí liên quan đàm phán hợp đồng mua bán điện; bảo đảm tính chính xác, tin cậy.

b) Trách nhiệm của đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện:

Lập kế hoạch, điều hành, giao dịch thị trường điện cạnh tranh bảo đảm tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành;

Phối hợp chặt chẽ với bên mua điện và bên bán điện để bảo đảm vận hành, điều độ, huy động các nhà máy điện sử dụng khí thiên nhiên khai thác trong nước và khí thiên nhiên hóa lỏng nhập khẩu tuân thủ quy định vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

5. Các dự án nhà máy nhiệt điện khí đầu tư, phát triển theo phương thức BOT được lựa chọn áp dụng các quy định tại Điều này và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.

“Điều 15. Nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện và sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn cho các dự án nhiệt điện khí (Phương án 2)

1. Theo từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh, các dự án nhà máy nhiệt điện khí được áp dụng cơ chế, chính sách phát triển phù hợp nhằm bảo đảm an ninh năng lượng, bảo đảm hài hòa lợi ích tổng thể của quốc gia lợi ích giữa bên mua điện và bên bán điện, hiệu quả đầu tư dự án.

2. Nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện

a) Giá nhiên liệu trong tính toán giá điện tại hợp đồng mua bán điện ký giữa Bên bán điện và Bên mua điện được xác định bằng giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện. Trường hợp Bên bán điện ký nhiều hợp đồng mua bán nhiên liệu, giá nhiên liệu được xác định bằng bình quân gia quyền theo khối lượng của các hóa đơn của các hợp đồng mua bán nhiên liệu.

b) Đối với dự án nhà máy điện có hạ tầng kho cảng, đường ống khí để nhập khẩu và sử dụng trực tiếp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG):

Bên bán điện được phép thu hồi chi phí hợp lý, hợp lệ khi thực hiện đầu tư các hạng mục hạ tầng kho cảng, đường ống khí thông qua giá hợp đồng mua bán điện thỏa thuận với Bên mua điện, bảo đảm nguyên tắc không tính trùng chi phí đầu tư hạ tầng kho cảng, đường ống khí trong giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện.

c) Đối với dự án nhà máy điện dùng chung hạ tầng kho cảng, đường ống khí để mua và sử dụng khí LNG sau tái hóa:

- Giá nhiên liệu cung cấp tại nhà máy điện bao gồm giá LNG được tính toán trên cơ sở giá LNG đến cảng phía Việt Nam và giá dịch vụ tồn trữ, tái hoá, vận chuyển và phân phối LNG.

- Bộ Công Thương định giá dịch vụ tồn trữ, tái hoá, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hoá lỏng.

3. Nguyên tắc xác định sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn

a) Các dự án nhiệt điện khí áp dụng nguyên tắc xác định sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn tại khoản này phải trực tiếp tham gia thị trường điện cạnh tranh.

b) Bên bán điện và Bên mua điện có trách nhiệm thỏa thuận, thống nhất trong hợp đồng mua bán điện về sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn và thời gian áp dụng trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Đối với các dự án nhiệt điện khí sử dụng khí thiên nhiên trong nước, sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được xác định ở mức tối đa căn cứ khả

năng cấp khí, các ràng buộc về nhiên liệu và công suất, sản lượng phát điện khả dụng của dự án nhiệt điện khí.

- Đối với các dự án nhiệt điện khí thiên nhiên hóa lỏng, sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được xác định trên cơ sở sản lượng điện phát bình quân nhiều năm của dự án nhiệt điện khí, tỷ lệ sản lượng điện thanh toán theo giá hợp đồng và hệ số hiệu chỉnh sản lượng hợp đồng năm bảo đảm cho nhà đầu tư hoặc bên bán điện hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của dự án nhiệt điện khí trong thời gian vay vốn dự án tính từ thời điểm dự án nhiệt điện khí vào vận hành thương mại, bảo đảm giá nhiên liệu ở mức hợp lý và ổn định và bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên.

- Sau thời gian áp dụng sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn, sản lượng điện hợp đồng hoặc tỷ lệ sản lượng điện thanh toán theo giá hợp đồng cho các năm còn lại được bên bán điện và bên mua điện thống nhất trong quá trình đàm phán, thỏa thuận hợp đồng mua bán điện theo các quy định hiện hành.

- Sản lượng điện phát bình quân nhiều năm được xác định theo quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành và trong hợp đồng mua bán điện.

4. Các dự án nhiệt điện khí được áp dụng quy định tại Khoản 3 Điều này là các dự án có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2031.

5. Trách nhiệm của các đơn vị:

a) Trách nhiệm của bên mua điện và bên bán điện

- Đàm phán, thỏa thuận thống nhất sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn và thời gian áp dụng trong hợp đồng mua bán điện tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Bên bán điện có trách nhiệm cung cấp cho bên mua điện đầy đủ các số liệu, thông số kỹ thuật, thông số kinh tế và các thông tin cần thiết khác của dự án nhiệt điện khí để làm cơ sở đàm phán hợp đồng mua bán điện; bảo đảm tính chính xác, tin cậy.

b) Trách nhiệm của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

- Lập kế hoạch, điều hành, giao dịch thị trường điện cạnh tranh đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

- Phối hợp chặt chẽ với bên mua điện và bên bán điện để đảm bảo vận hành, điều độ, huy động các nhà máy điện sử dụng khí thiên nhiên khai thác trong nước và khí thiên nhiên hóa lỏng nhập khẩu tuân thủ quy định vận hành

thị trường điện cạnh tranh các cấp độ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

6. Các dự án nhà máy nhiệt điện khí đầu tư, phát triển theo phương thức đối tác công tư áp dụng loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) không áp dụng các quy định tại Điều này, thực hiện áp dụng theo các cơ chế, chính sách cho các nhà máy điện đầu tư theo cơ chế BOT quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định pháp luật khác có liên quan.”

Điều 16. Cấp điện ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Nhà nước bố trí vốn đầu tư công theo kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công hằng năm, vốn đầu tư công trung hạn theo giai đoạn để đầu tư cấp điện hộ gia đình vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Doanh nghiệp Nhà nước ưu tiên sử dụng vốn đầu tư công, vốn tự có, vốn vay để thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo lưới điện thuộc phạm vi quản lý của doanh nghiệp bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật điện và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Ưu tiên huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển nguồn năng lượng tái tạo; lưới điện trung, hạ áp để bổ sung nguồn, lưới điện cấp điện cho các hộ gia đình thuộc khu vực này.

Điều 17. Hỗ trợ đầu tư sau công tơ cấp điện sinh hoạt cho hộ gia đình ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Hỗ trợ cấp điện mục đích sử dụng sinh hoạt sau công tơ điện cho các hộ gia đình (bao gồm dây dẫn điện, bảng điện chính, aptomat, công tắc, ổ cắm, bóng điện và vật tư, vật liệu phụ khác) cho hộ gia đình thuộc các đối tượng: hộ nghèo; hộ gia đình người dân tộc thiểu số cư trú ở thôn, xã đặc biệt khó khăn; hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại do thiên tai, cháy, nổ phải xây dựng nhà mới.

2. Hỗ trợ đầu tư đường dây dẫn điện từ sau công tơ đến bảng điện chính của cấp điện sinh hoạt cho các hộ gia đình thuộc các đối tượng: hộ cận nghèo; hộ gia đình người dân tộc thiểu số cư trú ở thôn, xã miền núi, biên giới, hải đảo; hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại do thiên tai, cháy, nổ nhưng không phải xây dựng nhà mới.

3. Hình thức hỗ trợ của Nhà nước thực hiện theo các Chương trình, dự án, công trình đầu tư từ nguồn lực đầu tư của nhà nước.

4. Hộ gia đình sử dụng điện tiếp nhận tài sản và chịu trách nhiệm quản lý vận hành sau đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công, ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư khác bao gồm: công trình cấp điện bằng năng lượng tái tạo độc lập cấp điện cho các hộ sử dụng điện; đầu tư sau công tơ điện.

Chương V

ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC

Điều 18. Dự án đầu tư kinh doanh điện lực thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Dự án đầu tư kinh doanh điện lực thuộc khoản 1 Điều 19 của Luật Điện lực phải tổ chức đấu thầu khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm, bao gồm:

- a) Dự án nhiệt điện khí, nhiệt điện than;
- b) Dự án điện năng lượng tái tạo.

2. Hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án đầu tư kinh doanh điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và Nghị định này.

Điều 19. Yêu cầu đặc thù trong hồ sơ mời thầu dự án đầu tư kinh doanh điện lực

1. Đối với các dự án thuộc quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới điện trong quy hoạch tỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hoặc đơn vị đại diện theo phân cấp, ủy quyền), Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm mua điện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu. Cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu có trách nhiệm xác định Bên mua điện sẽ ký kết hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư.

2. Hồ sơ mời thầu dự án đầu tư kinh doanh điện lực bao gồm:

- a) Thông tin về Bên mua điện;
- b) Các tài liệu được lập theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- c) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án đầu tư xây dựng;

d) Dự thảo hợp đồng mua bán điện được thống nhất với Bên mua điện trên cơ sở mẫu Hợp đồng mua bán điện do Bộ Công Thương ban hành;

đ) Yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa đối với những hạng mục thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng để duy trì cung cấp điện liên tục, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo quy định của pháp luật về điện lực;

e) Các cơ chế bảo đảm đầu tư theo quy định tại Điều 15 của Nghị định này.

3. Trách nhiệm chi trả kinh phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

a) Nhà đầu tư chi trả trong trường hợp nhà đầu tư tự đề xuất dự án;

b) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu sử dụng nguồn chi thường xuyên để chi trả, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Nhà đầu tư được lựa chọn chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí quy định tại điểm b khoản này;

d) Trường hợp chi phí đã chi trả theo quy định tại điểm a khoản này nhưng dự án không được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc không lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu thì nhà đầu tư đề xuất dự án chịu mọi chi phí, rủi ro;

đ) Trường hợp chi phí đã chi trả theo quy định tại điểm b khoản này nhưng dự án không lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu hoặc bị dừng triển khai theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền thì chi phí này được quyết toán vào chi phí hợp lý của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu.

Điều 20. Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện

1. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực đối với dự án điện lực có khung giá do Bộ Công Thương ban hành, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá điện, thực hiện như sau:

a) Mức trần giá điện được lập trên cơ sở hồ sơ mời thầu và không vượt quá mức giá tối đa của khung giá phát điện tương ứng loại hình nguồn điện do Bộ Công Thương ban hành tại năm đấu thầu;

b) Nhà đầu tư đề xuất giá điện trong hồ sơ dự thầu không cao hơn mức trần giá điện được quy định tại hồ sơ mời thầu.

2. Đối với dự án đầu tư kinh doanh điện lực không có khung giá do Bộ Công Thương ban hành, thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn là giá trị tối thiểu bằng tiền nộp ngân sách nhà nước hoặc tỷ lệ doanh thu tối thiểu nộp ngân sách nhà nước. Nhà đầu tư đề xuất giá trị hoặc tỷ lệ trong hồ sơ dự thầu không thấp hơn mức tối thiểu quy định tại hồ sơ mời thầu;

b) Giá trị hoặc tỷ lệ quy định tại điểm a khoản này độc lập với nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Việc nộp vào ngân sách nhà nước các giá trị quy định tại điểm a khoản này được thực hiện như sau: giá trị hoặc tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước được xác định căn cứ giá trị do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu; hình thức, tiến độ và thời hạn nộp giá trị quy định tại điểm a khoản này được quy định cụ thể tại hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.

3. Đối với các dự án tại khoản 1, khoản 2 Điều này đủ điều kiện thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện bổ sung thêm tiêu chuẩn là thời gian cam kết mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hoặc đơn vị đại diện theo phân cấp, ủy quyền), Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 21. Đàm phán, giao kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, hợp đồng mua bán điện

1. Hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh điện lực được đàm phán theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các nội dung sau đây:

- a) Cơ chế bảo đảm đầu tư được quy định trong hồ sơ mời thầu;
- b) Điều kiện để dự án chuyển sang cơ chế mua bán điện trực tiếp đối với các dự án thuộc khoản 3 Điều 15 của Luật này;
- c) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư trúng thầu thực hiện như sau:

a) Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, nhà đầu tư trúng thầu phải phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng dự án điện lực;

b) Bên mua điện và nhà đầu tư trúng thầu thực hiện đàm phán, ký hợp đồng mua bán điện trên cơ sở kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh điện lực và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án đầu tư kinh doanh điện lực được phê duyệt. Thời hạn tối đa đàm phán là 6 tháng đối với dự án điện năng lượng tái tạo và 12 tháng đối với dự án nhiệt điện kể từ ngày phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và nhà đầu tư trúng thầu nộp đủ hồ sơ để thực hiện đàm phán với Bên mua điện;

c) Hết thời hạn 18 tháng đối với dự án điện năng lượng tái tạo và 24 tháng đối với dự án nhiệt điện kể từ ngày ký hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh mà

Bên mua điện và nhà đầu tư trúng thầu không thống nhất được giá hợp đồng mua bán điện, Bên mua điện và nhà đầu tư trúng thầu mỗi bên gửi 01 bản chính văn bản đề nghị hiệp thương giá trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến (nếu có) đến Bộ Công Thương. Bộ Công Thương tổ chức hiệp thương giá hợp đồng mua bán điện theo quy định của pháp luật về giá.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện:

- a) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện Nghị định này;
- b) Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định này và báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi phù hợp với thực tiễn.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát thi hành Nghị định này, thực hiện công tác quản lý nhà nước về phát triển nguồn điện, lưới điện tại địa phương.

b) Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quy hoạch, đầu tư xây dựng và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư kinh doanh điện lực đối với các dự án điện lực theo quy định tại Nghị định này.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Sửa đổi cụm từ: “công trình năng lượng” thành cụm từ: “công trình điện lực”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 49:

“2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình điện lực, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực.”.

3. Bãi bỏ Điều 70.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án điện lực đã có trong quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực nhưng có quy mô công suất thuộc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này thì tiếp tục được thực hiện theo quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các dự án này được xem xét cập nhật vào quy hoạch tỉnh hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh khi lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với các dự án đầu tư kinh doanh điện lực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện như sau:

a) Trường hợp đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì phải lập hồ sơ mời thầu theo quy định tại Nghị định này;

b) Trường hợp đã phát hành hồ sơ mời thầu theo quy định tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì tiếp tục đánh giá hồ sơ dự thầu trên cơ sở hồ sơ mời thầu đã phát hành.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Khoa học công nghệ và Môi trường Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, Cục ĐL ().

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục (hoặc điều chỉnh) lưới điện trung áp, hạ áp
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) danh mục đầu tư dự án đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp

Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị phê duyệt (hoặc điều chỉnh danh mục) danh mục lưới điện trung áp, hạ áp

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm.....

TỜ TRÌNH

Phê duyệt danh mục (hoặc điều chỉnh danh mục) đầu tư xây dựng lưới điện trung áp, hạ áp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh ...

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư xây dựng dự án điện lực;

(Tên Nhà đầu tư) trình Sở Công Thương tỉnh thẩm định đề nghị phê duyệt danh mục đầu tư xây dựng lưới điện trung áp, hạ áp.

I. THÔNG TIN DANH MỤC DỰ ÁN

1. Danh mục dự án bao gồm các thông tin: tên dự án, quy mô dự kiến (công suất, cấp điện áp, chiều dài,...), dự kiến về nguồn vốn, tiến độ thực hiện, khu vực xây dựng (theo phụ lục đính kèm).

2. Tên nhà đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ):.....

3. Sự cần thiết đầu tư, mục tiêu đầu tư; sự phù hợp với phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh.

Trường hợp tờ trình phê duyệt điều chỉnh danh mục: bổ sung thông tin tình hình triển khai dự án thuộc danh mục, tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.

2. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

(Tên tổ chức) trình (Sở Công Thương tỉnh) thẩm định danh mục/điều chỉnh danh mục các dự án theo các nội dung nêu trên.

Mẫu số 02: Quyết định phê duyệt danh mục (hoặc phê duyệt điều chỉnh) lưới điện trung áp, hạ áp trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH ...

Số: /QĐ-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục (hoặc điều chỉnh danh mục) dự án đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp

ỦY BAN NHÂN DÂN...

Căn cứ Luật Điện lực 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày... tháng năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư xây dựng dự án điện lực;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan (Quy hoạch tỉnh; kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh);

Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;

Căn cứ Tờ trình đề nghị thực hiện danh mục/điều chỉnh danh mục dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),

Xét báo cáo thẩm định số ngày..... thángnăm..... của ; ý kiến của các đơn vị/cơ quan liên quan (nếu có);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục (hoặc điều chỉnh danh mục) đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp với các nội dung sau đây:

1. Danh mục dự án (hoặc điều chỉnh danh mục) bao gồm các thông tin: tên dự án, quy mô dự kiến (công suất, cấp điện áp, chiều dài,...), dự kiến (nguồn vốn, tiến độ, khu vực xây dựng) theo phụ lục đính kèm;

2. Tên nhà đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):.....

3. Mục tiêu đầu tư:....

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2025

Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện và đầu tư phát triển điện lực

1. Căn cứ xây dựng Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện và đầu tư xây dựng dự án điện lực (dự thảo Nghị định) đã được gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

a) Đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương ngày 16 tháng 12 năm 2024 để lấy ý kiến rộng rãi của người dân, doanh nghiệp (thực hiện trước khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn).

b) Bộ Công Thương đã có văn bản gửi các Bộ ngành, cơ quan, đơn vị liên quan (Công văn số 10272/BCT-ĐL ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương đề nghị có ý kiến đối với dự thảo Nghị định).

Thông qua các phương thức lấy ý kiến trên, Bộ Công Thương đã tiếp nhận được các ý kiến góp ý trực tiếp hoặc bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương đã tổng hợp các ý kiến này để xây dựng Bảng tổng hợp ý kiến và đã tổ chức nhiều cuộc họp Ban soạn thảo để thảo luận, thống nhất tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý theo các nhóm vấn đề và hoàn thiện nội dung tiếp thu, giải trình đưa vào Bảng tổng hợp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Bộ Công Thương đã lấy ý kiến bằng văn bản của 91 tổ chức và nhận được 52 văn bản góp ý. Cụ thể: 03 văn bản của Bộ, cơ quan ngang bộ; 30 văn bản của cơ quan cấp tỉnh; 13 văn bản của các hiệp hội, doanh nghiệp hoạt động điện lực và 04 đơn vị trong Bộ Công Thương.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý tại *Bảng Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó:*

- Có 09 đơn vị có ý kiến thống nhất với dự thảo Nghị định gồm: 8 đơn vị cấp tỉnh và 01 Bộ (Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Có 52 đơn vị không có ý kiến đối với dự thảo Nghị định gồm: 33 đơn vị cấp tỉnh, Thành phố; 11 bộ, cơ quan ngang bộ; 7 đơn vị thuộc Bộ Công Thương; 01 đơn vị là doanh nghiệp Nhà nước (EVN).

BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Các đơn vị, cơ quan đã gửi văn bản góp ý:

- 1 Công ty TNHH Chính phủ (Văn bản số 1474/TĐT-DLĐT ngày 24/12/2024)
- 2 Công ty Trung Nam (không có số văn bản góp ý)
- 3 Công ty Sơn Mỹ 1 (văn bản không có số)
- 4 Embassy of Denmark (Note no. 322/24, 20 December 2024)
- 5 UBND tỉnh Hải Dương (Văn bản số 3563/SCT-QLNL ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương Hải Dương)
- 6 UBND tỉnh Kon Tum (Văn bản số 4679/UBND-HITKT ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum)
- 7 The World Bank (December 20, 2024)
- 8 Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng BIM (Văn bản số 11/2024/TBNL-NT)
- 9 UBND tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản số 2615/SCT-QLNL ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh)
- 10 UBND tỉnh Nghệ An (Văn bản số 11579/UBND-CN ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)
- 11 UBND tỉnh Lai Châu (Văn bản số 2439/SCT-QLNL ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Lai Châu)
- 12 UBND tỉnh Lâm Đồng (Văn bản số 2939/SCT-QLCN ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng)
- 13 Viện Năng lượng (Văn bản số 2179/VNL-TT3 ngày 25/12/2024)
- 14 UBND TP Hải Phòng (Văn bản số 2829/UBND-XD2 ngày 24/12/2024 của UBND TP Hải Phòng)
- 15 Công ty TNHH Hanwha Energy (Văn bản ngày 24/12/2024)
- 16 UBND tỉnh Sơn La (Văn bản số 2738/SCT-QLNL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Sơn La)
- 17 UBND tỉnh Bình Định (Văn bản số 2804/SCT-QLNL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Bình Định)
- 18 UBND tỉnh Lào Cai (Văn bản số 7495/UBND-KT ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Lào Cai)
- 19 UBND tỉnh Bến Tre (Văn bản số 8876/UBND-KT ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Bến Tre)
- 20 Bộ Thông tin và Truyền thông (Văn bản số 5586/BTTTT-VCL ngày 25/12/2024 của Bộ TT-TT)
- 21 Tập đoàn Aes (Văn bản AES/MOIT/515 ngày 26/12/2024)
- 22 UBND tỉnh Hà Nam (Văn bản số 1669/SCT-QLNL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Hà Nam)
- 23 UBND tỉnh Kiên Giang (Văn bản số 3429/SCT-QLCN ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang)
- 24 UBND tỉnh Phú Yên (Văn bản số 1648/SCT-NLKT ngày 26/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Phú Yên)
- 25 UBND tỉnh Hà Giang (Văn bản số 1925/SCT-QLNL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Hà Giang)
- 26 Cục ATMT (Văn bản số 2257/ATMT-ATĐ ngày 25/12/2024 của Cục ATMT)
- 27 Vụ DKT (Văn bản số 1382/DKT ngày 25/12/2024 của Vụ DKT)
- 28 UBND tỉnh Thái Nguyên (Văn bản số 4588/SCT-CNNL ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên)
- 29 UBND tỉnh Quảng Trị (Văn bản số 2250/SCT-QLNL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị)
- 30 UBND tỉnh Quảng Bình (Văn bản số 2479/UBND-KT ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)
- 31 UBND tỉnh Ninh Bình (Văn bản số 2808/SCT-NL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình)
- 32 UBND tỉnh Bắc Giang (Văn bản số 2003/SCT-NL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang)
- 33 Văn phòng Bộ Công Thương (Văn bản số 2004/VP-CCKS ngày 24/12/2024 của Văn phòng Bộ Công Thương)
- 34 UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản số 3038/SCT-QLNL ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi)
- 35 UBND tỉnh Cà Mau (Văn bản số 2578/SCT-QLCN ngày 26/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Cà Mau)
- 36 UBND tỉnh Long An (Văn bản số 4338/SCT-QLNL ngày 26/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Long An)
- 37 Cty TNHH Tập đoàn năng lượng Long An (LAEC - Văn bản 15/2024/CV-LAEC ngày 24/12/2024)
- 38 Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam (Văn bản 44/2024-JCCI ngày 26/12/2024)
- 39 Công ty TNHH Điện Ô Môn II (Văn bản số 0250/OM2PC-MOIT ngày 25/12/2024)
- 40 Công Ty Luật TNHH YKVN (Ý kiến ngày 25/12/2024)
- 41 UBND tỉnh Đồng Tháp (Văn bản số 960/UBND-KT ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

- 42 UBND tỉnh Cao Bằng (Văn bản số 3653/UBND-CN ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)
- 43 Tập đoàn TKV (Văn bản số 7300/TKV-ĐL ngày 26/12/2024 của TKV)
- 44 UBND tỉnh Thanh Hoá (Văn bản số 19448/UBND-CN ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá)
- 45 Tập đoàn PVN (Văn bản số 9876/DKVN-D&NL TT ngày 27/12/2024 của TKV)
- 46 Cty CP điện khí LNG Quảng Ninh -QNSC (Văn bản số 140/2024/QNLNG ngày 26/12/2024)
- 47 UBND tỉnh Điện Biên (Văn bản số 5936/UBND-CN ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên)
- 48 UBND tỉnh Phú Thọ (Văn bản số 1585/SCT-QLNL ngày 31/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ)
- 49 Bộ Quốc phòng (Văn bản số 5901/BQP ngày 30/12/2024 của Bộ Quốc phòng)
- 50 UBND tỉnh Yên Bái (Văn bản số 2450/UBND-PC ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)
- 51 UBND tỉnh Yên Bái (Văn bản số 5186/UBND-CN ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)
- 52 UBND tỉnh Đồng Nai (Văn bản số 7566/SCT-KTQLNL ngày 31/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai)
- 53 T Cty điện lực TP. Hà Nội (Văn bản số 11646/EVNHANNOI-KT ngày 26/12/2024 của T Cty điện lực TP. Hà Nội)

Các đơn vị, cơ quan đồng ý với dự thảo, không có ý kiến gì bổ sung:

- 1 UBND tỉnh Lai Châu (Văn bản số 2439/SCT-QLNL ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Lai Châu)
- 2 UBND tỉnh Lào Cai (Văn bản số 7495/UBND-KT ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Lào Cai)
- 3 Bộ Thông tin và Truyền thông (Văn bản số 5586/BTTTT-VCL ngày 25/12/2024 của Bộ TT-TT)
- 4 UBND tỉnh Quảng Trị (Văn bản số 2250/SCT-QLNL ngày 25/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị)
- 5 UBND tỉnh Quảng Bình (Văn bản số 2479/UBND-KT ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)
- 6 UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản số 3038/SCT-QLNL ngày 24/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi)
- 7 UBND tỉnh Đồng Tháp (Văn bản số 960/UBND-KT ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)
- 8 UBND tỉnh Cao Bằng (Văn bản số 3653/UBND-CN ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)
- 9 UBND tỉnh Phú Thọ (Văn bản số 1585/SCT-QLNL ngày 31/12/2024 của Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ)

Các đơn vị trong Bộ:

- 1 Cục ATMT (Văn bản số 2257/ATMT-ATD ngày 25/12/2024 của Cục ATMT)
- 2 Vụ DKT (Văn bản số 1382/DKT ngày 25/12/2024 của Vụ DKT)
- 3 Văn phòng Bộ Công Thương (Văn bản số 2004/VP-CCKS ngày 24/12/2024 của Văn phòng Bộ Công Thương)
- 4 Viện Năng lượng (Văn bản số 2179/VNL-TT3 ngày 25/12/2024)